

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 18 - 11 - 2025
V/v tranh chấp yêu cầu hủy thỏa
thuận phân chia tài sản chung của
vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiên Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện D (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – L) bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 498/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ1, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 5, xã T, huyện D, tỉnh L).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Th 4, xã Đ1, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 4, xã Th, huyện D, tỉnh L).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Văn S – Luật sư Công ty luật TNHHHP – Chi nhánh L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ Th (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ Th H); Địa chỉ: Số 39 thôn 8B, xã H, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Q - Phó trưởng Ban Quản lý rừng phòng hộ Th H.

2. Văn phòng Công chứng P (nay là Văn phòng công chứng D); Địa chỉ: đường T, xã D, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, có mặt ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, Luật sư Đinh Văn S; Ông Đỗ Văn Q có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Năm 2014, ông có nhận khoán đất rừng với Ban quản lý rừng Th để trồng cây muồng đen theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản; theo đó, ông được giao khoán tổng diện tích thiết kế là 1,4ha; loại cây trồng chính là muồng đen, loại cây trồng phụ trợ là cây công nghiệp. Đến năm 2016, vợ chồng có làm văn bản thỏa thuận tài sản có ủy quyền để lại cho 02 con của ông phần đất nhận khoán trên, do 02 con chưa đủ tuổi nên ông có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H là vợ của ông tạm thời trông coi, quản lý, chăm sóc cây trồng và thu hoạch để chăm sóc nuôi dạy các con nhưng không được chặt phá cây rừng đang trồng. Đến năm 2019, ông và bà Nguyễn Thị H ly hôn tại Quyết định số 84 ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, về tài sản chung tự thỏa thuận. Trong thời gian quản lý đến năm 2023, bà H chặt phá cây rừng trồng, cây tiêu và cây cà phê theo hợp đồng và Ban quản lý rừng có lập biên bản vi phạm theo hợp đồng nhận khoán và yêu cầu ông trồng lại và chăm sóc cây lâm nghiệp, nếu không thì sẽ bị thu hồi.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hủy một phần thỏa thuận, cụ thể hủy khoản 1 Điều 1 của Văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng lập ngày 07/9/2016 giữa ông và bà H, được Văn phòng công chứng D (nay là văn phòng công chứng P) chứng thực ngày 07/9/2016. Vì bà H chặt phá cây muồng đen, cây tiêu và cây trồng xen kẽ, bà H vi phạm cam kết như trong hợp đồng giao khoán của ông và Ban Quản lý rừng phòng hộ Th. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Phạm Văn Đ trước đây là vợ chồng. Đến năm 2019 thì ly hôn tại Quyết định số 84 ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện D. Trước khi ly hôn, vợ chồng có làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản tại Văn phòng công chứng thì ông Đ có ủy quyền cho bà để quản lý và chăm sóc cây theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để thu hoa lợi, lợi tức để nuôi 02 con chung của vợ chồng. Từ đó đến nay, bà thực hiện đúng theo quy định như cam kết, không vi phạm, bà vẫn chăm sóc con cái bình thường. Nay ông Đ đề nghị hủy Văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng, cụ thể là hủy khoản 1 Điều 1 của Văn bản thỏa thuận thì bà không đồng

ý. Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Tài sản trên, khi các con đủ 18 tuổi thì giao lại cho các con quản lý, sử dụng.

Ban Quản lý rừng phòng hộ Th (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ Th) trình bày ý kiến tại phiên tòa ngày 27/6/2025: Năm 2014, ông Phạm Văn Đ có nhận khoán của Ban Quản lý rừng phòng hộ Th đối với diện tích 1,4ha thuộc tiểu khu 616, loại cây trồng chính là muồng đen và cây trồng phụ trợ là cây công nghiệp theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản giữa Ban Quản lý rừng phòng hộ Th với ông Phạm Văn Đ ngày 07/3/2014 và Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của UBND huyện D. Nay ông Đ đề nghị hủy Văn bản thỏa thuận tài sản của ông Đ và bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, trường hợp ông Đắc, bà H vẫn đủ điều kiện để tiếp tục nhận khoán.

Tại Bản án sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện D (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng) đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 130 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc khởi kiện “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu về việc yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng*”, hủy một phần Văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng giữa ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H ký kết được Văn phòng công chứng D công chứng ngày 07/9/2016 (nay là Văn phòng công chứng P) đối với khoản 1 Điều 1 phần tài sản Hồ sơ thiết kế giao khoán đất rừng sản xuất để QLBRV và trồng rừng kinh tế (theo Nghị định số 135/2005/NĐCP ngày 08/11/2005 của Chính phủ) năm 2013. Địa điểm tiểu khu 616, tổng diện tích thiết kế 1,4ha. Loại cây trồng chính: Muồng đen. Loại cây trồng phụ trợ: Cây công nghiệp ... Tài sản gắn liền là 01 căn nhà. Để lại cho 2 con là Phạm Nguyễn Thiên H3, sinh năm 2010 và Phạm Nguyễn Trà M, sinh năm 2012 nên giao cho bà Nguyễn Thị H tạm thời quản lý, sử dụng, trông coi, bảo vệ rừng 135, nhận giá trị sản phẩm khi thu hoạch từ các loại cây trồng trên hợp đồng rừng 135, thực hiện nghĩa vụ đối với bên giao khoán (đơn vị chủ rừng 135) là Ban quản lý rừng Th theo hợp đồng đã ký.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn Đ tự nguyện chịu 1.000.000 đồng số tiền chi phí đã thanh quyết toán chi phí hợp lý xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005740 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi án dân sự huyện D (Đã nộp đủ án phí).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2025, bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Đinh Văn S là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H phát biểu ý kiến:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết hủy một phần Văn bản thỏa thuận mà không xem xét từ thỏa thuận này hai bên mới thỏa thuận bà H chịu trách nhiệm trả hai khoản nợ tổng cộng 157.000.000 đồng và thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng do UBND xã T chứng thực ngày 08/7/2019. Điều này là không công bằng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà H.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ khởi kiện với 02 yêu cầu là hủy một phần Văn bản thỏa thuận giữa ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 07/9/2016, đồng thời buộc bà H giao lại cho ông Đ diện tích đất được giao khoán, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí đối với 01 yêu cầu. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo thụ lý giải quyết 02 yêu cầu nhưng Bản án sơ thẩm chỉ giải quyết 01 yêu cầu khởi kiện.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi cho bà H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất ý kiến của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H.

- Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ không đồng ý với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Vì quá trình thực hiện ủy quyền quản lý, sử dụng tài sản theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, bà H đã tự ý chặt cây rừng, vi phạm hợp đồng giao khoán, bị Ban Quản lý rừng lập biên bản.

- Ông Đỗ Văn Q là người đại diện hợp pháp của Ban quản lý rừng phòng hộ Th H có ý kiến: Việc giao khoán đất rừng là giao khoán cho hộ gia đình ông Phạm Văn Đ; Quá trình từ khi nhận khoán đến nay, hộ ông Đ không có vi phạm gì đến mức phải hủy hợp đồng nhận khoán, vẫn đủ điều kiện để tiếp tục hợp đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân

huyện D (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – L) và buộc người kháng cáo bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng D, nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ vắng mặt người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng D như đề nghị của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất khai nhận: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 2010. Đến năm 2016, ông Đ và bà H ký Văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng, được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 07/9/2016. Theo đó, hai bên thỏa thuận tại khoản 1 Điều 1 của Văn bản thỏa thuận để lại diện tích 1,4ha đất rừng nhận khoán của Ban Quản lý rừng phòng hộ Th H năm 2014 và các tài sản trên đất cho 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thiên Hương (sinh năm 2010) và Phạm Nguyễn Trà M (sinh năm 2012), do 02 con còn nhỏ nên giao cho bà H tạm thời quản lý, sử dụng, trông coi, bảo vệ rừng, nhận sản phẩm khi thu hoạch từ các loại cây trồng theo hợp đồng trồng rừng. Đến năm 2019 thì ông Đ và bà H ly hôn.

[2.2] Theo ông Phạm Văn Đ thì quá trình quản lý, sử dụng, trông coi rừng, bà H đã chặt phá cây rừng, vi phạm hợp đồng giao khoán nên bị Ban Quản lý rừng phòng hộ Th H lập biên bản vi phạm. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu hủy khoản 1 Điều 1 của Văn bản thỏa thuận tài sản vợ chồng nêu trên.

[2.3] Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không đồng ý và cho rằng quá trình quản lý, sử dụng, trông coi rừng, bản thân bà không vi phạm gì, không chặt phá cây rừng mà do cây tự chết, sau đó bà đã trồng lại cây rừng theo yêu cầu của Ban Quản lý rừng.

[2.4] Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ và ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị H nêu trên, nhận thấy bản chất vụ án là hai bên tranh chấp thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu về việc hủy văn bản thỏa thuận tài sản vợ chồng”* theo khoản 1 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”* theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận

tại phiên tòa của các đương sự, Luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.5.1] Văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng do ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H ký trong thời kỳ hôn nhân đang còn tồn tại; Đồng thời, Văn bản thỏa thuận được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 07/9/2016, nên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 38 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngoài ra, hai bên đều thừa nhận khi ký văn bản thỏa thuận, hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và hiểu rõ nội dung thỏa thuận. Như vậy, về nội dung văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật, thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện và không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản; Sau khi ký văn bản thỏa thuận, từ năm 2016, bà H đã thực hiện việc quản lý, sử dụng, đầu tư và khai thác tài sản, thu hoa lợi để nuôi dưỡng 02 con cho đến khi xảy ra tranh chấp năm 2023, nên văn bản thỏa thuận về tài sản chung giữa ông Đ và bà H đã có hiệu lực pháp luật.

[2.5.2] Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Th H có ý kiến về việc hộ nhận khoán đất rừng trồng xen canh các cây trồng khác như cà phê, mắc ca, ... là không có vi phạm gì, vẫn phù hợp, vì việc trồng xen canh các cây này vẫn đảm bảo duy trì rừng, tạo điều kiện cho hộ có thêm nguồn thu để gắn bó lâu dài với rừng và từ khi nhận khoán đến nay, hộ ông Đắc, bà H không có vi phạm gì và hiện vẫn đủ điều kiện tiếp tục nhận khoán theo hợp đồng đã ký.

[2.5.3] Ngoài ra, theo người đại diện hợp pháp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Th H thì đất được Ban quản lý rừng giao khoán là giao cho hộ gia đình chứ không phải giao cho cá nhân ông Phạm Văn Đ. Do đó, việc vợ chồng ông Đắc, bà H thỏa thuận giao lại cho 02 con chung diện tích đất nhận khoán và các tài sản trên đất, do 02 con còn nhỏ nên tạm giao cho bà H quản lý, sử dụng và trông coi là hoàn toàn phù hợp, không phải là trường hợp chuyển giao đất nhận khoán cho bên thứ ba nên không vi phạm hợp đồng nhận khoán hai bên đã ký kết.

[2.5.4] Từ phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ, hủy một phần thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H tại Văn bản thỏa thuận được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 07/9/2016, cụ thể hủy khoản 1 Điều 1 của Văn bản thỏa thuận là không đúng quy định của pháp luật.

[2.5.5] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H; Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ vụ án đã được thu thập đầy đủ, đảm bảo việc giải quyết vụ án, nên không chấp nhận ý kiến của Luật sư

[2.5.6] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp và nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; Sửa Bản án sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện D (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng);

Áp dụng: Khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 28, Điều 38, Điều 39, Điều 41 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ về việc yêu cầu hủy một phần thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng, cụ thể yêu cầu hủy khoản 1 Điều 1 của Văn bản thỏa thuận tài sản của vợ chồng giữa ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 07/9/2016.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm ông Phạm Văn Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005740 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; Ông Phạm Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000646 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; ông Phạm Văn Đ đã nộp đủ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/11/2025).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh L;
- TAND khu vực 4 – L;
- VKSND khu vực 4 – L;
- Phòng THADS khu vực 4 – L;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TGD;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

Thành viên Hội đồng xét xử

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Tâm

Huỳnh Châu Thạch

Nguyễn Hồng Thái